TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MS** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 33/2023/QĐST-HNGĐ	*MS, ngày 24 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 33/2023/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Tổ A, phường CS, thành phố SL, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1987. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Bản H, xã CB, huyện MS, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2023;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn S

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn S nhất trí thuận tình ly hôn.

b. Về con chung:

Chị T, anh S có 03 con chung là cháu Nguyễn Thùy L sinh ngày 27/9/2008, cháu Nguyễn Long Kh sinh ngày 12/4/2012 và cháu Nguyễn Quang S sinh ngày 19/11/2018. Chị T và anh S thống nhất: Giao cháu Nguyễn Long K cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thùy L và Nguyễn Quang S cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu K, L, S trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc đến khi có yêu cầu khác theo quy định của pháp luật.

Chị T, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, chị T, anh S được quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị T, anh S thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

c. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T nhận chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000223 ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La. Chị T được nhận lại số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng chẵn tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện MS;
- TAND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện MS;
- UBND xã CB;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hà Minh Quân